TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 51/2021/ST-HNGĐ
Ngày 30 tháng 6 năm 2021
"V/v Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Phạm Thị Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43a/2021/TLST – HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc: "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Đức C– Sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn 05, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N – Sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Số 18, khu phố Ô, Phường L, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt (Có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Bùi Đức C vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 05/1/2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Đức C trình bày:

Anh Bùi Đức C kết hôn với Nguyễn Ngọc Quỳnh N ngày 01/7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh trên tinh thần tự nguyện. Tuy nhiên, sau khi kết hôn được 3 tháng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vì vậy, vợ chồng đã

sống ly thân với nhau từ tháng 10/2014 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi, không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Không có con chung

Về tài sản chung và nợ: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên toà, chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N trình bày:

Sau khi chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N nhận được thông báo thụ lý và các tài liệu, chứng cứ do anh C gửi, chị N có ý kiến như sau: Chị N đồng ý Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An giải quyết vụ án; Về nội dung giải quyết vụ án: Chị N kết hôn với anh C ngày 01/7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh trên tinh thần tự nguyện. Tuy nhiên, từ tháng 10/2014 vợ chồng không hợp tính cách nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Về con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ở xa, đi lại khó khăn nên chị Như đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt chị N.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh Bùi Đức C được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Anh Bùi Đức C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N là bị đơn trong vụ án, cư trú tại số 18, khu phố Ô, phường L, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, theo quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án thì Tòa án nơi bị đơn cư trú giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chị N và anh C đã có văn bản thỏa thuận thống nhất yêu cầu TAND huyện A, tỉnh Nghệ An giải quyết vụ án. Nên TAND huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Bùi Đức C kết hôn với Nguyễn Ngọc Quỳnh N vào ngày 01/7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, anh C và chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 10/2014 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân anh C và chị N không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau, hiện tại đã hết tình cảm với nhau nên anh C đã làm đơn yêu cầu ly hôn chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị N không có mặt tại Toà án để giải quyết nhưng chị N đã có ý kiến cũng đồng ý ly hôn anh C.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống hiện tại và tương lai. Nhưng giữa anh C và chị N đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi chỉ lo bổn phận cho riêng mình. Do đó hôn nhân giữa anh C và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Đức C là phù hợp với khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị N cũng mong muốn ly hôn với anh C.

Về con chung; Về tài sản chung và nợ: Các đương không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Bùi Đức C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1 điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử;

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Cho anh Bùi Đức C được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N.

- ***Về án phí:*** Anh Bùi Đức C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002015 ngày 11/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- ***Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND P.L, Quận 9, TPHCM.*
- *Lưu HS;*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Lệ Hằng